TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH VP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2024
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VP

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Duy Lục; bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị An – Thư ký Toà án nhân dân huyện VT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh VP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2024, về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Khổng Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn ĐM, xã YL, huyện VT, tỉnh VP, vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn ĐM, xã YL, huyện VT, tỉnh VP, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Khổng Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bà trình bày: bà và ông Nguyễn Văn T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã YL vào ngày 26/03/1993. Sau khi kết hôn bà và ông T ra ở riêng thôn ĐM, xã YL, huyện VT. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T có tính cách gia trưởng nên thường xuyên chửi bới xúc phạm và còn đánh đập bà chỉ vì những chuyện nhỏ nhặn trong cuộc sống. Năm 2014 bà đã làm đơn ly hôn đối với ông T nhưng gia đình khuyên bảo nên bà đã rút đơn để cho ông T cơ hội sửa chữa cùng nhau chăm lo cho gia đình nhưng thời gian sau ông T vẫn không thay đổi nên vợ chồng không còn tiếng nói

chung, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Đến năm 2020 bà và ông T đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân bà và ông T không còn liên lạc cũng không quan tâm gì đến nhau. Bà C xác định bà không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/2/1995; cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/5/1998; cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/6/2005. Hiện nay 03 con chung là cháu T, cháu T, cháu S đều đã thành niên, bà không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công sức: Bà không đề nghị Toà án giải quyết;

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như bà C trình bày là đúng còn nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để tìm ra tiếng nói chung nhưng không được mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà C xin ly hôn ông, ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, suộc sống không có hạnh phúc ông đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/2/1995; cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/5/1998; cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/6/2005. Hiện nay 03 con chung là cháu T, cháu T, cháu S đều đã thành niên, ông không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công sức: ông không đề nghị Toà án giải quyết;

Biên bản xác minh ngày 09/7/2024 tại UBND xã YL thể hiện: bà C và ông T đăng ký kết hôn ngày 26/3/1993 tại UBND xã YL trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Quá trình bà C, ông T sinh sống có phát sinh mâu thuẫn và khoảng năm 2022 vợ chồng mẫu thuẫn địa phương cũng đã hoà giải, khuyên bảo hai vợ chồng thay đổi về đoàn tụ. Nay bà C xin ly hôn ông T nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung ông T, bà C khai sinh cho 03 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/2/1995; Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/5/1998; Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/6/2005. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ của ông T, bà C địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện VT không có yêu cầu hay kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Khổng Thị C. Xử cho bà Khổng Thị C được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về án phí: Bà C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Khổng Thị C khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Văn T, bà C có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T. Bị đơn ông T có nơi cư trú thôn ĐM, xã YL, huyện VT, tỉnh VP nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh VP theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị bà C với ông T là hôn nhân hợp pháp, được UBND xã YL, huyện VT đăng ký kết hôn. Theo bà C và ông T thì vợ chồng ông bà đã mâu thuẫn nhiều năm, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyễn cãi nhau, vợ chồng ông bà cũng đã nhiều lần hoà giải mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng không được mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Bà C, ông T đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay ông bà không quan tâm gì đến nhau. Bà C xin ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà C. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của bà C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông bà xác nhận có 03 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/2/1995; cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/5/1998; cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/6/2005. Cả ba con chung T, T, S đã thành niên, ông bà không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: bà C, ông T không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Cho bà Khổng Thị C được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Khổng Thị C phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004877 ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự VT. Bà C đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VT;
- Chi cụcTHADS huyện VT;
- Các đương sự;
- UBND xã YL;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Huyền